

Số: /TTr-SNNMT

Lạng Sơn, ngày tháng 8 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về việc giải quyết thủ tục hành chính Hồ sơ đề nghị đăng ký
thu hồi khoáng sản trong phạm vi diện tích đất thực hiện dự án
Cụm công nghiệp Bắc Sơn 2, tỉnh Lạng Sơn**

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Địa chất và Khoáng sản ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật địa chất và Khoáng sản; Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu và thu hồi khoáng sản;

Xét hồ sơ¹ của Công ty cổ phần đầu tư TDG Global đề nghị đăng ký thu hồi khoáng sản trong quá trình triển khai thực hiện dự án Cụm công nghiệp Bắc Sơn 2, tỉnh Lạng Sơn; nộp trực tuyến tại Trung tâm hành chính công tỉnh Lạng Sơn ngày 30/7/2026.

Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Về hồ sơ đề nghị đăng ký thu hồi khoáng sản

Công ty cổ phần đầu tư TDG Global có địa chỉ tại lô D1, khu công nghiệp Đình Trám, phường Nền, tỉnh Bắc Ninh; hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2400345718, đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 7 năm 2005, thay đổi lần thứ 26 ngày 05 tháng 11 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp là chủ đầu tư dự án Cụm công nghiệp Bắc Sơn 2, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã được UBND tỉnh quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 29/4/2023 và được Sở Tài chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 3322483020, chứng nhận lần đầu ngày 19/5/2023, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 02 ngày 12/5/2026.

Để được thu hồi khoáng sản trong phạm vi diện tích thực hiện dự án Cụm công nghiệp Bắc Sơn 2, tỉnh Lạng Sơn, Công ty cổ phần đầu tư TDG Global đã

¹ Mã số hồ sơ: H37.08-260729-100003.

lập Hồ sơ đề nghị đăng thu hồi khoáng sản trong phạm vi, diện tích thi công xây dựng công trình theo quy định tại khoản 1 Điều 98 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và Khoáng sản (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 37 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật địa chất và khoáng sản*), gồm có:

(1) Bản đăng ký thu hồi khoáng sản đề ngày 25/7/2026 (*bản đăng ký đã lập theo Mẫu số 02 của Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT*).

(2) Báo cáo vị trí, khối lượng, chủng loại, thời gian thực hiện thu hồi khoáng sản (*báo cáo đã lập theo Mẫu số 04 của Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT*).

(3) Bản vẽ ranh giới khu vực đăng ký thu hồi khoáng sản (*Bản vẽ đã thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 và mẫu số 35 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT*).

(4) Phương án thu hồi khoáng sản đất san lấp làm vật liệu xây dựng thông thường thuộc phạm vi dự án Cụm công nghiệp Bắc Sơn 2, tỉnh Lạng Sơn, trong đó có nội dung đánh giá hiệu quả kinh tế của việc thu hồi khoáng sản theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 96 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 35 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP*).

(5) Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 29/4/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án Cụm công nghiệp Bắc Sơn 2, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 3322483020 do Sở Tài chính cấp, chứng nhận lần đầu ngày 19/5/2023, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 02 ngày 12/5/2026; Quyết định số 689/QĐ-UBND ngày 26/11/2025 của UBND xã Hữu Lễ về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết 1/500 dự án Cụm công nghiệp Bắc Sơn 2, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Cụm công nghiệp Bắc Sơn 2, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn (hạng mục công trình Hạ tầng kỹ thuật) do Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Tân Hiệp Phát lập năm 2023, đã được Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn: thẩm định tại Văn bản số 280/SXD-HTKT&VLXD ngày 16/02/2024; kiểm tra đóng dấu tại Văn bản số 1551/SXD-HTKT&VLXD ngày 08/7/2024; được chủ dự án (Công ty cổ phần đầu tư TDG Global) phê duyệt thiết tại Quyết định số 23/QĐ-TDG ngày 23/9/2024; Hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Bắc Sơn 2, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn điều chỉnh năm 2025 đã được chủ dự án phê duyệt tại Quyết định số 28/QĐ-TTG ngày 23/5/2025; Giấy phép xây dựng số 64/GPXD-CT ngày 9/12/2024 của UBND huyện Bắc Sơn sử dụng cho các công trình thuộc dự án.

2. Những vấn đề liên quan đến việc đăng ký thu hồi khoáng sản

2.1. Điều kiện đăng ký thu hồi khoáng sản

- Theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của UBND huyện Bắc Sơn về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Cụm công

nghiệp Bắc Sơn 2, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 689/QĐ-UBND ngày 26/11/2025 của UBND xã Hữu Lễ về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết 1/500 dự án Cụm công nghiệp Bắc Sơn 2, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Cụm công nghiệp Bắc Sơn 2, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn (hạng mục công trình Hạ tầng kỹ thuật) do Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Tân Hiệp Phát lập năm 2023, đã được Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn: thẩm định tại Văn bản số 280/SXD-HTKT&VLXD ngày 16/02/2024; kiểm tra đóng dấu tại Văn bản số 1551/SXD-HTKT&VLXD ngày 08/7/2024; được chủ dự án (Công ty cổ phần đầu tư TDG Global) phê duyệt thiết tại Quyết định số 23/QĐ-TDG ngày 23/9/2024; Hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Bắc Sơn 2, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn điều chỉnh năm 2025 đã được chủ dự án phê duyệt tại Quyết định số 28/QĐ-TTG ngày 23/5/2025; Giấy phép xây dựng số 64/GPXD-CT ngày 9/12/2024 của UBND huyện Bắc Sơn sử dụng cho các công trình thuộc dự án; dự án phải thực hiện san gạt, đào đắp bề mặt địa hình tạo mặt bằng xây dựng để thực hiện theo đúng thiết kế của dự án thuộc trường hợp được phép thu hồi khoáng sản theo quy định tại điểm a² khoản 2 Điều 75 Luật Địa chất và Khoáng sản ngày 29/11/2024.

- Công ty cổ phần đầu tư TDG Global³ thực hiện đăng ký thu hồi khoáng sản trong quá trình triển khai thực hiện dự án Cụm công nghiệp Bắc Sơn 2, tỉnh Lạng Sơn là đảm bảo đúng chủ thể thực hiện đăng ký thu hồi khoáng sản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 75 Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024 (*được sửa đổi, bổ sung tại điểm a⁴ khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và Khoáng sản*).

² a) Đối với trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này, chỉ được phép thu hồi khoáng sản khi bắt buộc phải san gạt, đào đắp bề mặt địa hình tạo mặt bằng xây dựng, nạo vét để thực hiện theo đúng thiết kế của dự án; đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc chấp thuận;

³ Công ty cổ phần đầu tư TDG Global là nhà đầu tư thực hiện dự án Cụm công nghiệp Bắc Sơn 2, tỉnh Lạng Sơn theo: Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 29/4/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án Cụm công nghiệp Bắc Sơn 2, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 3322483020 do Sở Tài chính cấp, chứng nhận lần đầu ngày 19/5/2023, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 02 ngày 12/5/2026.

⁴ a) Sửa đổi, bổ sung điểm b và điểm c khoản 1 như sau:

“b) Chủ đầu tư, nhà đầu tư kết hợp thu hồi khoáng sản ở khu vực thi công các hạng mục công trình của dự án đầu tư được quyết định, phê duyệt hoặc chấp thuận theo quy định của pháp luật, kể cả khoáng sản nằm trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia. Trường hợp chủ đầu tư, nhà đầu tư không có nhu cầu thu hồi khoáng sản thì giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản được cấp cho nhà thầu thi công các hạng mục công trình của dự án đầu tư trên cơ sở chấp thuận của chủ đầu tư, nhà đầu tư;

c) Chủ đầu tư, nhà đầu tư thực hiện hoạt động nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm là khoáng sản trong vùng nước cảng biển, cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão, vùng nước đường thủy nội địa, lòng sông, lòng hồ hoặc tại các vùng nước, đất ngập nước khác theo dự án, kế hoạch được quyết định, phê duyệt hoặc chấp thuận theo quy định của pháp luật. Trường hợp chủ đầu tư, nhà đầu tư không có nhu cầu thu hồi khoáng sản thì giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản được cấp cho nhà thầu thi công hoạt động nạo vét trên cơ sở chấp thuận của chủ đầu tư, nhà đầu tư;”;

2.2. Về khu vực đề nghị thu hồi khoáng sản đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan⁵ kiểm tra thực địa ngày 03/8/2026, kết quả kiểm tra cụ thể như sau

Đoàn kiểm tra đã nhận dạng địa hình khu vực, xác định tọa độ một số điểm đặc trưng bằng máy định vị vệ tinh GARMIN GPS78, cho thấy: Khu vực Công ty cổ phần đầu tư TDG Global đề nghị đăng ký thu hồi khoáng sản trong quá trình triển khai thực hiện dự án Cụm công nghiệp Bắc Sơn 2, tỉnh Lạng Sơn có diện tích là 244.233,9 m² (24,42 ha), được giới hạn bởi các điểm khép góc từ 1 đến 386 và từ 1' đến 144' trên nền bản đồ địa hình theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107⁰15', múi chiều 3⁰ nằm trong diện tích đất đã được UBND tỉnh cho thuê đất để thực hiện dự án Cụm công nghiệp Bắc Sơn 2, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tại Quyết định số 2112/QĐ-UBND ngày 27/11/2024 và nằm trong khu vực thực hiện dự án Cụm công nghiệp Bắc Sơn 2, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã được: UBND tỉnh Lạng Sơn chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 29/4/2023; Sở Tài chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 3322483020, chứng nhận lần đầu ngày 19/5/2023, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 02 ngày 12/5/2026; UBND xã Hữu Lễ phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết 1/500 dự án Cụm công nghiệp Bắc Sơn 2, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tại Quyết định số 689/QĐ-UBND ngày 26/11/2025.

2.3. Về khối lượng đăng ký thu hồi khoáng sản và mức sâu thu hồi khoáng sản thấp nhất

Theo hồ sơ, Công ty cổ phần đầu tư TDG Global, đề nghị: “Khối lượng khoáng sản đề nghị thu hồi (nguyên khối): 164.427,31 m³ đá làm vật liệu xây dựng thông thường; Mức sâu thu hồi thấp nhất: +292,13 m” là phù hợp với: (1) Hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Bắc Sơn 2, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn điều chỉnh năm 2025 đã được chủ dự án phê duyệt tại Quyết định số 28/QĐ-TTG ngày 23/5/2025; (2) Giấy phép xây dựng số 64/GPXD-CT ngày 9/12/2024 của UBND huyện Bắc Sơn sử dụng cho các công trình thuộc dự án (Khối lượng khoáng sản đề nghị đăng ký thu hồi cũng là khối lượng khoáng sản đã được UBND tỉnh Lạng Sơn cấp giấy phép khai thác khoáng sản số 18/GP-UBND ngày 26/6/2025. Nhà đầu tư đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác theo quy định. Tuy nhiên, do điều kiện khai thác gặp nhiều khó khăn, việc khai thác, vận chuyển đá đi tiêu thụ để hoàn trả mặt bằng thi công bị chậm trễ dẫn đến chưa khai thác được. Đến nay, nhà đầu tư đã hoàn tất thủ tục điều chỉnh tiến độ dự án và gia hạn giấy phép xây dựng để tiếp tục hoàn thiện các công việc còn lại; Nhà đầu tư đã lập hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 18/GP-UBND ngày 26/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn và đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường đã thực hiện quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, ra thông báo về việc quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (đá làm vật liệu xây dựng thông

⁵ Thành phần theo Giấy mời số 409/GM-SNNMT ngày 31/7/2026, gồm: Các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng; Công Thương; UBND xã Vũ Lễ và Công ty cổ phần đầu tư TDG Global.

thường) trong phạm vi diện tích đất thực hiện dự án Cụm công nghiệp Bắc Sơn 2 theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 18/GP-UBND ngày 26/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn tại Thông báo số 592/TB-SNNMT ngày 07/8/2026).

2.4. Về thời gian đăng ký thu hồi khoáng sản

Theo hồ sơ, Công ty cổ phần đầu tư TDG Global, đề nghị: “Thời gian thu hồi: Đến hết Quý I/2027”, là phù hợp theo tiến độ thực hiện dự án⁶ trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 3322483020 do Sở Tài chính cấp, chứng nhận lần đầu ngày 19/5/2023, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 02 ngày 12/5/2026.

2.5. Về xác định tiền cấp quyền thu hồi khoáng sản

Tại khoản 1 Điều 135 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ, “1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản có hiệu lực; cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 131 của Nghị định này có trách nhiệm xác định, phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản”, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm trình Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt kết quả tiền cấp quyền thu hồi khoáng sản trong phạm vi thực hiện dự án Cụm công nghiệp Bắc Sơn 2, tỉnh Lạng Sơn theo quy định.

2.6. Về thẩm quyền cấp Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản

Thẩm quyền cấp Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản trong phạm vi thực hiện dự án là Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại điểm a⁷ khoản 1 Điều 96 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP.

II. NỘI DUNG TRÌNH

Từ kết quả thẩm định nêu trên, Hồ sơ của Công ty cổ phần đầu tư TDG Global đề nghị đăng ký thu hồi khoáng sản trong phạm vi, diện tích thi công xây dựng công trình đã đầy đủ theo quy định, đủ điều kiện để được đăng ký, thu hồi khoáng sản. Thực hiện trình tự, thủ tục xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ, Sở Nông nghiệp và Môi trường kính trình Chủ tịch UBND tỉnh:

1. Xác nhận Công ty cổ phần đầu tư TDG Global (địa chỉ: lô D1, khu công nghiệp Đình Trám, phường Nénh, tỉnh Bắc Ninh) đã đăng ký thu hồi khoáng sản (đá làm vật liệu xây dựng thông thường) trong phạm vi diện tích thực hiện dự án Cụm công nghiệp Bắc Sơn 2, tỉnh Lạng Sơn, với các nội dung chính sau đây:

- a) Tên khoáng sản thu hồi: khoáng sản nhóm III (đá làm vật liệu xây dựng thông thường).
- b) Vị trí khu vực thu hồi khoáng sản: xã Vũ Lễ, tỉnh Lạng Sơn.
- c) Không gian thu hồi khoáng sản

⁶ Tiến độ thực hiện các mục tiêu của dự án: Quý I/2027 đưa cụm công nghiệp vào hoạt động, khai thác.

⁷ 1. Thẩm quyền cấp Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này.

- Diện tích khu vực đăng ký thu hồi khoáng sản: 244.233,9 m² (24,42 ha), được giới hạn bởi các điểm khếp góc từ 1 đến 386 và từ 1' đến 144' trên nền bản đồ địa hình theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 107⁰15', múi chiều 3⁰ nằm trong diện tích đất đã được UBND tỉnh cho thuê đất để thực hiện dự án Cụm công nghiệp Bắc Sơn 2, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tại Quyết định số 2112/QĐ-UBND ngày 27/11/2024 và nằm trong khu vực thực hiện dự án Cụm công nghiệp Bắc Sơn 2, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã được: UBND tỉnh Lạng Sơn chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 29/4/2023; Sở Tài chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 3322483020, chứng nhận lần đầu ngày 19/5/2023, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 02 ngày 12/5/2026; UBND xã Hữu Lễ phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết 1/500 dự án Cụm công nghiệp Bắc Sơn 2, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tại Quyết định số 689/QĐ-UBND ngày 26/11/2025.

- Mức sâu thu hồi khoáng sản thấp nhất: +292,13 m.

Không gian thu hồi khoáng sản được thể hiện chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo Tờ trình này.

d) Khối lượng khoáng sản thu hồi: 164.427,31 m³ (nguyên khối).

đ) Thời hạn thu hồi khoáng sản: Đến hết Quý I năm 2027, kể từ ngày Giấy xác nhận này có hiệu lực.

2. Công ty cổ phần đầu tư TDG Global có trách nhiệm:

a) Thực hiện thu hồi khoáng sản nhóm III (*đá làm vật liệu xây dựng thông thường*) theo đúng vị trí, khối lượng, chủng loại, kế hoạch nêu trên.

b) Thống kê, kiểm kê, tổng hợp đầy đủ khối lượng khoáng sản thu hồi thực tế để thực hiện nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác theo đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan.

c) Thường xuyên kiểm soát các khu vực thu hồi khoáng sản, các công trình phụ trợ có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự khu vực thu hồi khoáng sản theo quy định của pháp luật. Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động thu hồi khoáng sản, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý.

d) Thực hiện báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất theo quy định; trường hợp có phát hiện mới khoáng sản khác phải báo cáo ngay cho Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn. Báo cáo đúng sản lượng khai thác, việc sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tổng hợp, quản lý theo quy định.

đ) Thực hiện đúng, đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung công tác bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn về phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Cụm công nghiệp Bắc Sơn 2, xã Chiến Thắng, huyện Bắc Sơn tại Quyết định số 1847/QĐ-UBND ngày 13/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn về phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Cụm công nghiệp Bắc Sơn 2, xã Chiến Thắng, huyện Bắc Sơn và công tác bảo vệ môi trường Báo cáo vị trí, khối lượng, chủng

loại, thời gian thực hiện thu hồi khoáng sản đã đề xuất và theo các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Quản lý hoạt động khai thác

a) Giao Thuế tỉnh Lạng Sơn theo dõi, yêu cầu đơn vị khai thác thực hiện nghiêm nghĩa vụ về thuế, phí và tiền cấp quyền thu hồi khoáng sản theo quy định.

b) Giao UBND xã Vũ Lễ tổ chức giám sát, quản lý chặt chẽ hoạt động thu hồi khoáng sản (*đá làm vật liệu xây dựng thông thường*) trong phạm vi diện tích thực hiện dự án Cụm công nghiệp Bắc Sơn 2, tỉnh Lạng Sơn nhằm bảo đảm hoạt động thu hồi khoáng sản đúng các nội dung đã được xác nhận. Kịp thời phát hiện và đình chỉ hoạt động thu hồi khoáng sản nếu Công ty cổ phần đầu tư TDG Global không thực hiện đúng các nội dung Giấy xác nhận của Chủ tịch UBND tỉnh và các quy định của pháp luật có liên quan.

(Có dự thảo Giấy xác nhận gửi kèm theo)

Sở Nông nghiệp và Môi trường kính trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn;
- Các Sở: Xây dựng, Tài chính;
- UBND xã Vũ Lễ;
- Lãnh đạo Sở;
- Văn phòng đăng ký đất đai (cập nhật dữ liệu số);
- Văn phòng Sở (theo dõi);
- Công ty cổ phần đầu tư TDG Global;
- Lưu: VT, MTKS_(LNgS).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Triệu Đức Minh

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH LẠNG SƠN

Phụ lục 1

PHỤ LỤC
RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC THU HỒI KHOÁNG SẢN
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-SNNMT ngày /8/2026
của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107°15', múi chiếu 3°		Điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107°15', múi chiếu 3°	
	X (M)	Y (M)		X (M)	Y (M)
1	2.414.829	390.370	266	2.414.076	390.733
2	2.414.827	390.382	267	2.414.078	390.726
3	2.414.829	390.389	268	2.414.080	390.719
4	2.414.841	390.388	269	2.414.082	390.713
5	2.414.847	390.400	270	2.414.084	390.708
6	2.414.851	390.409	271	2.414.121	390.618
7	2.414.851	390.417	272	2.414.125	390.608
8	2.414.850	390.421	273	2.414.127	390.598
9	2.414.845	390.426	274	2.414.136	390.626
10	2.414.840	390.428	275	2.414.148	390.628
11	2.414.832	390.427	276	2.414.151	390.613
12	2.414.823	390.431	277	2.414.157	390.610
13	2.414.821	390.433	278	2.414.161	390.610
14	2.414.824	390.436	279	2.414.169	390.613
15	2.414.823	390.438	280	2.414.174	390.613
16	2.414.822	390.446	281	2.414.182	390.617
17	2.414.825	390.449	282	2.414.194	390.619
18	2.414.823	390.461	283	2.414.206	390.619
19	2.414.813	390.459	284	2.414.220	390.624
20	2.414.809	390.459	285	2.414.234	390.639
21	2.414.793	390.442	286	2.414.241	390.642
22	2.414.768	390.455	287	2.414.250	390.661
23	2.414.767	390.464	288	2.414.254	390.674
24	2.414.765	390.467	289	2.414.269	390.664
25	2.414.763	390.473	290	2.414.276	390.661
26	2.414.764	390.474	291	2.414.281	390.659
27	2.414.767	390.474	292	2.414.284	390.642
28	2.414.769	390.480	293	2.414.287	390.634
29	2.414.768	390.482	294	2.414.294	390.627
30	2.414.765	390.482	295	2.414.297	390.620
31	2.414.762	390.491	296	2.414.300	390.618

Điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107°15', múi chiếu 3°		Điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107°15', múi chiếu 3°	
	X (M)	Y (M)		X (M)	Y (M)
32	2.414.758	390.490	297	2.414.305	390.601
33	2.414.752	390.492	298	2.414.319	390.578
34	2.414.749	390.490	299	2.414.321	390.573
35	2.414.744	390.487	300	2.414.328	390.568
36	2.414.736	390.496	301	2.414.331	390.567
37	2.414.737	390.499	302	2.414.339	390.560
38	2.414.739	390.500	303	2.414.342	390.554
39	2.414.738	390.509	304	2.414.347	390.549
40	2.414.735	390.510	305	2.414.353	390.542
41	2.414.732	390.517	306	2.414.355	390.537
42	2.414.730	390.528	307	2.414.358	390.534
43	2.414.727	390.528	308	2.414.360	390.535
44	2.414.726	390.529	309	2.414.373	390.522
45	2.414.729	390.541	310	2.414.373	390.517
46	2.414.724	390.543	311	2.414.381	390.503
47	2.414.724	390.546	312	2.414.387	390.497
48	2.414.721	390.554	313	2.414.399	390.482
49	2.414.723	390.557	314	2.414.397	390.481
50	2.414.722	390.561	315	2.414.403	390.474
51	2.414.730	390.579	316	2.414.415	390.467
52	2.414.732	390.584	317	2.414.417	390.462
53	2.414.727	390.590	318	2.414.421	390.457
54	2.414.720	390.596	319	2.414.426	390.454
55	2.414.716	390.597	320	2.414.424	390.452
56	2.414.712	390.601	321	2.414.430	390.445
57	2.414.718	390.603	322	2.414.432	390.446
58	2.414.723	390.601	323	2.414.434	390.442
59	2.414.724	390.606	324	2.414.448	390.434
60	2.414.717	390.610	325	2.414.454	390.428
61	2.414.709	390.614	326	2.414.453	390.426
62	2.414.702	390.617	327	2.414.456	390.424
63	2.414.698	390.615	328	2.414.458	390.424
64	2.414.695	390.611	329	2.414.466	390.417
65	2.414.694	390.613	330	2.414.475	390.416
66	2.414.690	390.614	331	2.414.478	390.412
67	2.414.683	390.617	332	2.414.480	390.406
68	2.414.678	390.619	333	2.414.482	390.399
69	2.414.674	390.620	334	2.414.486	390.398

Điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107°15', múi chiếu 3°		Điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107°15', múi chiếu 3°	
	X (M)	Y (M)		X (M)	Y (M)
70	2.414.667	390.620	335	2.414.491	390.397
71	2.414.665	390.617	336	2.414.491	390.393
72	2.414.664	390.614	337	2.414.495	390.391
73	2.414.661	390.608	338	2.414.494	390.386
74	2.414.655	390.609	339	2.414.491	390.379
75	2.414.651	390.610	340	2.414.493	390.370
76	2.414.650	390.608	341	2.414.494	390.360
77	2.414.640	390.609	342	2.414.493	390.358
78	2.414.630	390.614	343	2.414.490	390.358
79	2.414.632	390.616	344	2.414.489	390.346
80	2.414.621	390.620	345	2.414.489	390.340
81	2.414.617	390.618	346	2.414.480	390.342
82	2.414.615	390.609	347	2.414.480	390.335
83	2.414.614	390.600	348	2.414.478	390.332
84	2.414.617	390.600	349	2.414.479	390.329
85	2.414.616	390.595	350	2.414.471	390.323
86	2.414.619	390.595	351	2.414.468	390.315
87	2.414.615	390.587	352	2.414.465	390.304
88	2.414.602	390.592	353	2.414.462	390.298
89	2.414.595	390.591	354	2.414.461	390.293
90	2.414.591	390.591	355	2.414.462	390.290
91	2.414.590	390.589	356	2.414.461	390.288
92	2.414.582	390.590	357	2.414.457	390.289
93	2.414.581	390.592	358	2.414.454	390.280
94	2.414.581	390.594	359	2.414.456	390.273
95	2.414.584	390.607	360	2.414.458	390.267
96	2.414.580	390.609	361	2.414.454	390.261
97	2.414.579	390.613	362	2.414.451	390.253
98	2.414.571	390.615	363	2.414.452	390.247
99	2.414.561	390.619	364	2.414.454	390.245
100	2.414.556	390.621	365	2.414.460	390.245
101	2.414.552	390.620	366	2.414.467	390.256
102	2.414.551	390.619	367	2.414.470	390.257
103	2.414.548	390.614	368	2.414.482	390.249
104	2.414.552	390.612	369	2.414.488	390.260
105	2.414.550	390.603	370	2.414.492	390.267
106	2.414.547	390.603	371	2.414.501	390.285
107	2.414.547	390.605	372	2.414.507	390.293

Điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107°15', múi chiếu 3°		Điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107°15', múi chiếu 3°	
	X (M)	Y (M)		X (M)	Y (M)
108	2.414.541	390.604	373	2.414.509	390.299
109	2.414.541	390.602	374	2.414.517	390.303
110	2.414.537	390.599	375	2.414.524	390.305
111	2.414.516	390.599	376	2.414.542	390.309
112	2.414.511	390.598	377	2.414.559	390.308
113	2.414.503	390.599	378	2.414.565	390.306
114	2.414.495	390.600	379	2.414.685	390.335
115	2.414.493	390.607	380	2.414.695	390.339
116	2.414.486	390.611	381	2.414.707	390.340
117	2.414.481	390.611	382	2.414.753	390.341
118	2.414.479	390.611	383	2.414.762	390.339
119	2.414.476	390.612	384	2.414.786	390.351
120	2.414.471	390.614	385	2.414.796	390.347
121	2.414.467	390.615	386	2.414.816	390.357
122	2.414.463	390.612	1'	2.414.104	390.956
123	2.414.460	390.612	2'	2.414.089	390.968
124	2.414.457	390.611	3'	2.414.100	390.983
125	2.414.456	390.609	4'	2.414.112	391.001
126	2.414.456	390.606	5'	2.414.109	391.003
127	2.414.452	390.604	6'	2.414.095	391.006
128	2.414.450	390.604	7'	2.414.095	391.009
129	2.414.444	390.610	8'	2.414.088	391.014
130	2.414.440	390.614	9'	2.414.087	391.014
131	2.414.435	390.620	10'	2.414.084	391.016
132	2.414.428	390.627	11'	2.414.054	391.019
133	2.414.426	390.626	12'	2.414.048	391.000
134	2.414.422	390.625	13'	2.414.046	390.990
135	2.414.412	390.632	14'	2.414.045	390.978
136	2.414.400	390.637	15'	2.414.042	390.979
137	2.414.392	390.641	16'	2.414.034	390.976
138	2.414.387	390.644	17'	2.414.032	390.973
139	2.414.384	390.644	18'	2.414.032	390.967
140	2.414.381	390.645	19'	2.414.030	390.961
141	2.414.379	390.647	20'	2.414.027	390.959
142	2.414.381	390.651	21'	2.414.023	390.961
143	2.414.377	390.659	22'	2.414.017	390.956
144	2.414.373	390.663	23'	2.414.014	390.956
145	2.414.374	390.667	24'	2.414.013	390.954

Điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107°15', múi chiếu 3°		Điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107°15', múi chiếu 3°	
	X (M)	Y (M)		X (M)	Y (M)
146	2.414.376	390.670	25'	2.414.015	390.947
147	2.414.377	390.673	26'	2.414.012	390.944
148	2.414.379	390.678	27'	2.414.007	390.941
149	2.414.382	390.682	28'	2.414.010	390.936
150	2.414.379	390.696	29'	2.414.003	390.934
151	2.414.378	390.703	30'	2.413.998	390.935
152	2.414.376	390.709	31'	2.413.997	390.933
153	2.414.375	390.714	32'	2.413.991	390.933
154	2.414.375	390.721	33'	2.413.987	390.931
155	2.414.373	390.725	34'	2.413.982	390.936
156	2.414.376	390.727	35'	2.413.978	390.934
157	2.414.379	390.727	36'	2.413.977	390.929
158	2.414.383	390.730	37'	2.413.974	390.925
159	2.414.384	390.735	38'	2.413.972	390.924
160	2.414.381	390.736	39'	2.413.970	390.919
161	2.414.380	390.738	40'	2.413.966	390.916
162	2.414.383	390.742	41'	2.413.965	390.912
163	2.414.385	390.744	42'	2.413.964	390.908
164	2.414.390	390.745	43'	2.413.966	390.906
165	2.414.389	390.751	44'	2.413.962	390.906
166	2.414.391	390.757	45'	2.413.961	390.908
167	2.414.386	390.768	46'	2.413.956	390.909
168	2.414.381	390.770	47'	2.413.952	390.906
169	2.414.392	390.777	48'	2.413.950	390.893
170	2.414.392	390.781	49'	2.413.952	390.891
171	2.414.395	390.786	50'	2.413.950	390.883
172	2.414.393	390.792	51'	2.413.946	390.882
173	2.414.391	390.797	52'	2.413.944	390.886
174	2.414.391	390.803	53'	2.413.940	390.884
175	2.414.396	390.802	54'	2.413.937	390.882
176	2.414.396	390.807	55'	2.413.935	390.882
177	2.414.392	390.809	56'	2.413.934	390.880
178	2.414.393	390.814	57'	2.413.929	390.877
179	2.414.394	390.817	58'	2.413.929	390.874
180	2.414.393	390.822	59'	2.413.933	390.869
181	2.414.395	390.827	60'	2.413.934	390.865
182	2.414.399	390.831	61'	2.413.938	390.862
183	2.414.398	390.835	62'	2.413.940	390.859

Điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107°15', múi chiếu 3°		Điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107°15', múi chiếu 3°	
	X (M)	Y (M)		X (M)	Y (M)
184	2.414.396	390.837	63'	2.413.939	390.854
185	2.414.396	390.840	64'	2.413.947	390.850
186	2.414.397	390.844	65'	2.413.948	390.849
187	2.414.397	390.847	66'	2.413.949	390.841
188	2.414.393	390.856	67'	2.413.946	390.831
189	2.414.389	390.861	68'	2.413.947	390.822
190	2.414.384	390.865	69'	2.413.950	390.817
191	2.414.380	390.866	70'	2.413.952	390.811
192	2.414.378	390.871	71'	2.413.953	390.807
193	2.414.372	390.871	72'	2.413.954	390.806
194	2.414.368	390.874	73'	2.413.955	390.802
195	2.414.363	390.875	74'	2.413.957	390.800
196	2.414.359	390.880	75'	2.413.959	390.799
197	2.414.358	390.884	76'	2.413.959	390.792
198	2.414.356	390.890	77'	2.413.959	390.783
199	2.414.354	390.895	78'	2.413.959	390.775
200	2.414.353	390.901	79'	2.413.959	390.773
201	2.414.350	390.905	80'	2.413.956	390.774
202	2.414.342	390.912	81'	2.413.953	390.765
203	2.414.337	390.912	82'	2.413.951	390.762
204	2.414.334	390.915	83'	2.413.946	390.729
205	2.414.335	390.919	84'	2.413.947	390.719
206	2.414.331	390.921	85'	2.413.950	390.713
207	2.414.329	390.921	86'	2.413.957	390.713
208	2.414.326	390.925	87'	2.413.963	390.712
209	2.414.321	390.928	88'	2.413.985	390.705
210	2.414.320	390.929	89'	2.413.992	390.708
211	2.414.319	390.933	90'	2.413.997	390.711
212	2.414.318	390.937	91'	2.413.996	390.715
213	2.414.311	390.949	92'	2.413.999	390.715
214	2.414.314	390.951	93'	2.414.004	390.722
215	2.414.313	390.962	94'	2.414.008	390.722
216	2.414.314	390.972	95'	2.414.012	390.719
217	2.414.310	390.976	96'	2.414.016	390.711
218	2.414.312	390.981	97'	2.414.026	390.708
219	2.414.312	390.987	98'	2.414.033	390.708
220	2.414.310	390.996	99'	2.414.043	390.705
221	2.414.312	391.004	100'	2.414.045	390.698

Điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107°15', múi chiếu 3°		Điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107°15', múi chiếu 3°	
	X (M)	Y (M)		X (M)	Y (M)
222	2.414.312	391.010	101'	2.414.050	390.694
223	2.414.309	391.010	102'	2.414.050	390.681
224	2.414.307	391.013	103'	2.414.056	390.681
225	2.414.307	391.018	104'	2.414.058	390.677
226	2.414.306	391.024	105'	2.414.051	390.675
227	2.414.310	391.032	106'	2.414.054	390.669
228	2.414.309	391.036	107'	2.414.058	390.663
229	2.414.296	391.038	108'	2.414.061	390.659
230	2.414.280	391.041	109'	2.414.065	390.653
231	2.414.256	391.043	110'	2.414.066	390.645
232	2.414.245	391.045	111'	2.414.068	390.633
233	2.414.244	391.036	112'	2.414.069	390.625
234	2.414.243	391.035	113'	2.414.070	390.615
235	2.414.226	391.039	114'	2.414.072	390.606
236	2.414.212	391.041	115'	2.414.071	390.604
237	2.414.201	391.042	116'	2.414.072	390.592
238	2.414.202	391.051	117'	2.414.073	390.578
239	2.414.195	391.053	118'	2.414.082	390.577
240	2.414.193	391.046	119'	2.414.094	390.579
241	2.414.192	391.040	120'	2.414.105	390.582
242	2.414.189	391.030	121'	2.414.103	390.590
243	2.414.184	391.015	122'	2.414.101	390.599
244	2.414.179	391.003	123'	2.414.098	390.608
245	2.414.171	390.987	124'	2.414.061	390.699
246	2.414.163	390.973	125'	2.414.058	390.707
247	2.414.154	390.960	126'	2.414.055	390.716
248	2.414.146	390.950	127'	2.414.053	390.725
249	2.414.139	390.942	128'	2.414.051	390.734
250	2.414.132	390.951	129'	2.414.050	390.742
251	2.414.097	390.905	130'	2.414.049	390.749
252	2.414.089	390.894	131'	2.414.049	390.759
253	2.414.086	390.889	132'	2.414.048	390.834
254	2.414.082	390.881	133'	2.414.048	390.842
255	2.414.079	390.874	134'	2.414.048	390.851
256	2.414.077	390.867	135'	2.414.050	390.861
257	2.414.075	390.859	136'	2.414.052	390.869
258	2.414.074	390.853	137'	2.414.054	390.877
259	2.414.073	390.848	138'	2.414.055	390.881

Điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107°15', múi chiếu 3°		Điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107°15', múi chiếu 3°	
	X (M)	Y (M)		X (M)	Y (M)
260	2.414.073	390.840	139'	2.414.058	390.887
261	2.414.073	390.835	140'	2.414.061	390.896
262	2.414.074	390.759	141'	2.414.066	390.905
263	2.414.074	390.754	142'	2.414.070	390.910
264	2.414.074	390.749	143'	2.414.073	390.916
265	2.414.075	390.743	144'	2.414.077	390.921
Diện tích: 244.233,9 m²					
Mức sâu thu hồi thấp nhất: +292,13 m					